

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015



EY

Building a better
working world

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Giám đốc	3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 31

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 1 trực thuộc Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 1188/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp ngày 23 tháng 9 năm 2004. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai phê duyệt thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000046 vào ngày 12 tháng 11 năm 2004, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau:

GCNĐKKD điều chỉnh số:

3903000046 – Điều chỉnh lần thứ nhất
3903000046 – Điều chỉnh lần thứ hai
3903000046 – Điều chỉnh lần thứ ba
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ tư
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ năm
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ sáu
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ bảy
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ tám
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ chín

Ngày:

ngày 19 tháng 5 năm 2006
ngày 17 tháng 5 năm 2007
ngày 28 tháng 7 năm 2007
ngày 10 tháng 1 năm 2008
ngày 18 tháng 3 năm 2008
ngày 14 tháng 1 năm 2009
ngày 25 tháng 9 năm 2009
ngày 1 tháng 9 năm 2010
ngày 7 tháng 6 năm 2011

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2009 theo Quyết định số 119/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 1 tháng 10 năm 2009.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng; xây dựng nhà các loại; xây dựng các công trình thủy lợi; xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống; đầu tư, xây dựng các công trình vừa và nhỏ; xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng công trình đường bộ; mua bán và chế biến hàng nông sản (trừ mủ cao su); trồng cây cao su; sản xuất sản phẩm cao su; kinh doanh dịch vụ thiết bị kỹ thuật điện; mua bán bất động sản; và kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Công ty có trụ sở chính tại số 114, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thanh Lạc	Chủ tịch	
Ông Huỳnh Đoan	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Giang	Thành viên	
Bà Trần Thị Phương	Thành viên	
Ông Lê Văn Minh	Thành viên	từ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Nguyễn Hoàn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lưu Mạnh Thức	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2015
Ông Bùi Tấn Khải	Thành viên	từ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Bá Đài	Thành viên	từ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2015
Bà Đỗ Vũ Hải Hà	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2015
Bà Trần Thị Thu Hồng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Xuân Hương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2015

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

GIÁM ĐỐC

Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Huỳnh Đoàn.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Thanh Lạc.

Ông Huỳnh Đoàn, Giám đốc, được Ông Phan Thanh Lạc, người đại diện theo pháp luật của Công ty, ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 theo Quyết định số 05/2011/QĐ-HĐQT ngày 14 tháng 6 năm 2011.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của tôi, Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Huỳnh Đoàn
Giám đốc

Ngày 29 tháng 7 năm 2015



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

**Building a better
working world**

Số tham chiếu: 61121146/17876483

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên ("Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 31 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu các báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1

Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 7 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2015

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		19.796.862.794	61.680.756.502
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	11.157.828.727	362.166.690
111	1. Tiền		357.828.727	162.166.690
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.800.000.000	200.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	4.878.493.666
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	5.600.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(721.506.334)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.418.953.577	56.273.579.433
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	19	732.907.640	318.762.685
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		18.000.000	-
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	19	6.000.000.000	12.480.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	5	1.668.045.937	43.474.816.748
140	IV. Hàng tồn kho	6	166.683.758	156.526.358
141	1. Hàng tồn kho		166.683.758	156.526.358
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		53.396.732	9.990.355
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		52.181.940	-
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.214.792	9.990.355
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		206.982.571.399	197.342.429.553
210	I. Phải thu dài hạn		10.329.436.991	10.495.144.515
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	10.329.436.991	10.495.144.515
220	II. Tài sản cố định		1.693.808.423	1.813.190.447
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.660.058.423	1.771.940.447
222	Nguyên giá		5.365.479.811	5.365.479.811
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.705.421.388)	(3.593.539.364)
227	2. Tài sản vô hình	9	33.750.000	41.250.000
228	Nguyên giá		45.000.000	45.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.250.000)	(3.750.000)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	10	194.895.708.298	184.895.708.298
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		194.895.708.298	184.895.708.298
260	IV. Tài sản dài hạn khác		63.617.687	138.386.293
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		63.617.687	138.386.293
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		226.779.434.193	259.023.186.055

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		847.865.805	33.931.204.912
310	I. Nợ ngắn hạn		847.865.805	33.931.204.912
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	263.793.097	4.500.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	214.075.969	65.789.730
319	3. Phải trả ngắn hạn khác	13	45.849.871	33.485.983.611
322	4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		324.146.868	374.931.571
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	14.1	225.931.568.388	225.091.981.143
410	I. Vốn chủ sở hữu		225.931.568.388	225.091.981.143
411	1. Vốn cổ phần			
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		246.569.880.000	246.569.880.000
414	2. Cổ phiếu quỹ		(26.791.024.482)	(26.791.024.482)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.295.362.122	5.283.743.345
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		29.382.280	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		827.968.468	29.382.280
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		226.779.434.193	259.023.186.055

Nguyễn Tiến Hải
Người lập

Nguyễn Tiến Hải
Kế toán trưởng



Huỳnh Đoàn
Giám đốc

Ngày 29 tháng 7 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	15.1	2.063.931.091	1.237.941.391
11	2. Giá vốn hàng bán	17	1.454.059.255	555.622.388
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		609.871.836	682.319.003
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	486.051.711	2.925.993.864
22	5. Chi phí tài chính	16	(721.506.334)	536.411.855
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	751.903.857	571.619.665
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.065.526.024	2.500.281.347
31	8. Thu nhập khác		613.636	2.584.228
32	9. Chi phí khác		-	334
40	10. Lợi nhuận khác		613.636	2.583.894
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.066.139.660	2.502.865.241
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.1	226.552.415	14.193.272
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		839.587.245	2.488.671.969
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	38	112
71	15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20	38	112



Nguyễn Tiến Hải
Người lập



Nguyễn Tiến Hải
Kế toán trưởng




Huỳnh Đoàn
Giám đốc

Ngày 29 tháng 7 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.066.139.660	2.502.865.241
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	17	514.997.274	96.675.094
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng	18	(721.506.334)	536.411.855
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	15.2	(486.051.711)	(2.925.993.864)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		373.578.889	209.958.326
09	Tăng các khoản phải thu		(2.400.778.075)	(998.217.142)
10	Tăng hàng tồn kho		(10.157.400)	-
11	Tăng các khoản phải trả		1.500.116.631	249.687.981
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		22.586.666	(39.491.376)
13	Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh		5.600.000.000	(5.600.000.000)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18.1	(41.878.788)	(61.074.006)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(50.784.703)	(62.444.848)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		4.992.683.220	(6.301.581.065)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		-	(43.490.000)
23	Tiền chi cho vay		(7.600.000.000)	(11.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		14.080.000.000	11.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(10.000.000.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.977.953.377	17.549.884.547
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		17.457.953.377	17.506.394.547

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	14.2	(11.654.974.560)	(10.001.736.805)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(11.654.974.560)	(10.001.736.805)
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		10.795.662.037	1.203.076.677
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		362.166.690	803.188.782
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	11.157.828.727	2.006.265.459



Nguyễn Tiến Hải
Người lập



Nguyễn Tiến Hải
Kế toán trưởng




Huỳnh Đoàn
Giám đốc

Ngày 29 tháng 7 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 1 trực thuộc Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 1188/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp ngày 23 tháng 9 năm 2004. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai phê duyệt thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000046 vào ngày 12 tháng 11 năm 2004, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau:

GCNĐKKD điều chỉnh số:

Ngày:

3903000046 – Điều chỉnh lần thứ nhất	ngày 19 tháng 5 năm 2006
3903000046 – Điều chỉnh lần thứ hai	ngày 17 tháng 5 năm 2007
3903000046 – Điều chỉnh lần thứ ba	ngày 28 tháng 7 năm 2007
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ tư	ngày 10 tháng 1 năm 2008
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ năm	ngày 18 tháng 3 năm 2008
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ sáu	ngày 14 tháng 1 năm 2009
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ bảy	ngày 25 tháng 9 năm 2009
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ tám	ngày 1 tháng 9 năm 2010
5900328272 – Điều chỉnh lần thứ chín	ngày 7 tháng 6 năm 2011

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2009 theo Quyết định số 119/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 1 tháng 10 năm 2009.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng; xây dựng nhà các loại; xây dựng các công trình thủy lợi; xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống; đầu tư, xây dựng các công trình vừa và nhỏ; xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng công trình đường bộ; mua bán và chế biến hàng nông sản (trừ mủ cao su); trồng cây cao su; sản xuất sản phẩm cao su; kinh doanh dịch vụ thiết bị kỹ thuật điện; mua bán bất động sản; và kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Công ty có trụ sở chính tại số 114, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 4 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15"), và có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200 và Quyết định 15 tại Thuyết minh số 26 của báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 24 năm
Máy móc và thiết bị	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD")

Công ty có phát sinh các khoản đầu tư vào HĐHTKD dưới hình thức phân chia lợi nhuận sau thuế (trong đó Công ty là bên không kế toán và không quyết toán thuế). Theo đó, Công ty theo dõi và ghi nhận phần doanh thu và chi phí riêng biệt tương ứng của mình trong HĐHTKD trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Việc ghi nhận trên được áp dụng phi hồi tố theo hướng dẫn của Thông tư 200.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ cộng số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá trị hợp lý của các khoản phải thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và chuyển tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải trả và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế TNDN hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế TNDN hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, cổ phiếu chưa niêm yết, các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tiền mặt	4.483.258	6.265.973
Tiền gửi ngân hàng	353.345.469	155.900.717
Các khoản tương đương tiền	10.800.000.000	200.000.000
TỔNG CỘNG	11.157.828.727	362.166.690

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất bình quân 4,3%/ năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (tiếp theo)

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	VNĐ Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Các giao dịch không bằng tiền trọng yếu được loại ra khỏi báo cáo lưu chuyển tiền tệ:		
Thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia qua cán trừ công nợ	21.770.346.000	18.263.280.522
Cổ tức chi trả qua cán trừ công nợ	21.770.346.000	18.975.218.395

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	VNĐ Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải thu lãi được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.148.439.437	32.000.677.685
Phải thu lãi cho vay	474.506.500	512.276.666
Tạm ứng cho nhân viên	14.500.000	
Phải thu hoàn vốn từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	10.961.862.397
Khác	30.600.000	-
TỔNG CỘNG	<u>1.668.045.937</u>	<u>43.474.816.748</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 19)</i>	1.622.945.937	43.474.816.748
<i>Các bên thứ ba</i>	45.100.000	-

6. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	VNĐ Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Công cụ, dụng cụ	<u>166.683.758</u>	<u>156.526.358</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

7. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện khoản góp vốn liên doanh với Công ty Cổ phần Điện Gia Lai theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư vào các Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 3 và Nhà máy Thủy điện IaMeur 3 (*Thuyết minh số 19*).

Phần doanh thu và chi phí tương ứng của Công ty trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh này cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

	<i>VNĐ</i> <i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Doanh thu thuần về bán hàng (<i>Thuyết minh số 15.1</i>)	1.138.392.258
Giá vốn hàng bán	872.375.895
Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.640.810
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	232.375.553
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.618.778
Lợi nhuận sau thuế TNDN	220.756.775

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ				
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 30 tháng 6 năm 2015	3.133.103.240	2.064.467.199	124.419.372	43.490.000	5.365.479.811
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	1.584.426.368	124.419.372	-	1.708.845.740
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.823.590.133	1.642.630.525	124.419.372	2.899.334	3.593.539.364
Khấu hao trong kỳ	73.178.760	36.528.762	-	2.174.502	111.882.024
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	1.896.768.893	1.679.159.287	124.419.372	5.073.836	3.705.421.388
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.309.513.107	421.836.674	-	40.590.666	1.771.940.447
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	1.236.334.347	385.307.912	-	38.416.164	1.660.058.423

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

9. TÀI SẢN VÔ HÌNH

		VNĐ
		<i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá:		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>45.000.000</u>	
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	3.750.000	
Hao mòn trong kỳ	<u>7.500.000</u>	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>11.250.000</u>	
Giá trị còn lại:		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>41.250.000</u>	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>33.750.000</u>	

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		VNĐ	
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:			
- Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (Thuyết minh số 19) (*)	184.895.708.298	184.895.708.298	
- Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú (Thuyết minh số 19) (**)	<u>10.000.000.000</u>	<u>-</u>	
TỔNG CỘNG	<u>194.895.708.298</u>	<u>184.895.708.298</u>	

(*) Đây là các khoản góp vốn với Công ty Cổ phần Điện Gia Lai để đầu tư vào các nhà máy thủy điện. Chi tiết như sau:

		VNĐ	
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Nhà máy Thủy điện H'Chan	24.366.051.059	24.366.051.059	
Nhà máy Thủy điện ĐăkPiHao 2	53.357.158.272	53.357.158.272	
Nhà máy Thủy điện IaPuch 3	39.613.266.628	39.613.266.628	
Nhà máy Thủy điện H'Mun	<u>67.559.232.339</u>	<u>67.559.232.339</u>	
TỔNG CỘNG	<u>184.895.708.298</u>	<u>184.895.708.298</u>	

(**) Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú. Chi tiết như sau:

		VNĐ			
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	
		<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	<u>1.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 19</i>)	259.293.097	-
Bên thứ ba	4.500.000	4.500.000
TỔNG CỘNG	263.793.097	4.500.000

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 18.1</i>)	(9.990.355)	214.933.637	(41.878.788)	163.064.494
Thuế thu nhập cá nhân	19.329.541	577.443.091	(596.772.632)	-
Thuế giá trị gia tăng	25.673.064	206.124.304	(192.831.253)	38.966.115
Thuế tài nguyên	20.787.125	43.975.815	(52.717.580)	12.045.360
TỔNG CỘNG	55.799.375	1.042.476.847	(884.200.253)	214.075.969

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả cổ tức	27.908.821	11.682.883.381
Bên liên quan	-	21.770.346.000
Khác	17.941.050	32.754.230
TỔNG CỘNG	45.849.871	33.485.983.611

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
VNĐ					
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	246.569.880.000	(26.791.024.482)	5.137.235.865	7.839.456.262	232.755.547.645
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2.488.671.969	2.488.671.969
Cổ tức công bố	-	-	-	(6.684.895.500)	(6.684.895.500)
Phân phối lợi nhuận	-	-	25.783.994	(25.783.994)	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	<u>246.569.880.000</u>	<u>(26.791.024.482)</u>	<u>5.163.019.859</u>	<u>3.617.448.737</u>	<u>228.559.324.114</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	246.569.880.000	(26.791.024.482)	5.283.743.345	29.382.280	225.091.981.143
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	839.587.245	839.587.245
Phân phối lợi nhuận	-	-	11.618.777	(11.618.777)	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>246.569.880.000</u>	<u>(26.791.024.482)</u>	<u>5.295.362.122</u>	<u>857.350.748</u>	<u>225.931.568.388</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	VNĐ Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Vốn cổ phần đã góp		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 30 tháng 6 năm 2015	246.569.880.000	246.569.880.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố	-	6.684.895.500
Cổ tức chi trả	33.425.320.560	28.976.743.400
- Chi bằng tiền	11.654.974.560	10.001.736.805
- Cấn trừ công nợ	21.770.346.000	18.975.006.595

14.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Cổ phiếu)	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	24.656.988	24.656.988
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.656.988	24.656.988
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(2.374.003)	(2.374.003)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	22.282.985	22.282.985

15. DOANH THU

15.1 Doanh thu thuần về bán hàng

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	VNĐ Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Doanh thu bán điện thương phẩm	<u>2.063.931.091</u>	<u>1.237.941.391</u>
Trong đó:		
Phần doanh thu được chia từ HĐHTKD (Thuyết minh số 7)	1.138.392.258	-
Doanh thu của Công ty	925.538.833	1.237.941.391

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

15. DOANH THU (tiếp theo)

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	486.051.711	523.434.215
Lãi góp vốn liên doanh	-	2.402.559.649
TỔNG CỘNG	<u>486.051.711</u>	<u>2.925.993.864</u>

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	<u>(721.506.334)</u>	<u>536.411.855</u>

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	659.843.475	628.586.439
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	514.997.274	96.675.094
Chi phí nhân công	450.758.378	225.033.274
Chi phí khác	580.363.985	176.947.246
TỔNG CỘNG	<u>2.205.963.112</u>	<u>1.127.242.053</u>

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% thu nhập chịu thuế.

Đối với Nhà máy Thủy điện IaĐrăng 1, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2002). Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi dự án Thủy điện IaĐrăng 1 có thu nhập chịu thuế (năm 2002) và được giảm 50% thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

18.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.066.139.660	2.502.865.241
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Lãi góp vốn liên doanh	-	(2.402.559.649)
Chi phí không được khấu trừ	143.206.970	183.559.848
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	1.209.346.630	283.865.440
Thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành	226.552.414	14.193.272
Thuế TNDN phải thu đầu kỳ	(9.990.355)	(51.869.153)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(41.878.788)	(61.074.006)
Thuế TNDN đã nộp bởi liên doanh trong kỳ	(11.618.777)	-
Thuế TNDN phải nộp (phải thu) cuối kỳ	163.064.494	(98.749.887)

19. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			VNĐ
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	Bên liên quan	Đầu tư tài chính dài hạn	10.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Bê tông ly tâm Gia Lai	Bên liên quan	Cho vay ngắn hạn Lãi cho vay	7.600.000.000 11.111.111
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc - Ayun Hạ	5.700.000.000
		Doanh thu được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.138.392.258
		Chi phí được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	917.635.483
		Bán điện thương phẩm	924.267.809
		Phí quản lý	349.978.918
		Phí dịch vụ tư vấn quản lý doanh nghiệp	81.818.182
		Chi phí thuê văn phòng	35.454.546
		Lãi cho vay	20.377.777
Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc - Ayun Hạ	Bên liên quan	Lãi cho vay	433.484.278

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

19. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i> <i>Phải thu</i> <i>(phải trả)</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Bán điện thương phẩm	732.907.640
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Bê tông Ly tâm Gia Lai	Bên liên quan	Cho vay ngắn hạn	6.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	752.149.187
		Hoàn vốn từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	395.615.250
		Khác	675.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc – Ayun Hạ	Bên liên quan	Lãi cho vay	474.506.500
TỔNG CỘNG			1.622.945.937
Phải thu dài hạn khác			
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Góp vốn liên doanh	10.329.436.991
Đầu tư tài chính dài hạn			
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Góp vốn liên doanh	184.895.708.298
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	Bên liên quan	Đầu tư tài chính dài hạn	10.000.000.000
TỔNG CỘNG			194.895.708.298
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Phí quản lý	(146.539.861)
		Phí dịch vụ tư vấn quản lý doanh nghiệp	(81.818.182)
		Chi phí thuê văn phòng	(27.681.818)
		Khác	(3.253.236)
TỔNG CỘNG			(259.293.097)
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc trong kỳ:			
		<i>Cho kỳ kế toán</i> <i>sáu tháng kết thúc</i> <i>ngày 30 tháng 6</i> <i>năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i> <i>sáu tháng kết thúc</i> <i>ngày 30 tháng 6</i> <i>năm 2014</i>
Lương và thưởng		137.400.000	246.972.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

20. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho cổ đông của Công ty (VNĐ)	839.587.245	2.488.671.969
Số lượng cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	22.282.985	22.282.985
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/ cổ phiếu)	38	112
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VNĐ/ cổ phiếu)	38	112

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

21. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động này được trình bày như sau:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Đến 1 năm	<u>78.000.000</u>	<u>60.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản cho vay phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có rủi ro lãi suất. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu thường xuyên được theo dõi bởi Công ty. Khách hàng duy nhất của Công ty là Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, công ty mẹ. Do đó, rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty được đánh giá là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập các báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày ở Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	VNĐ
	<i>Dưới 1 năm</i>
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	
Phải trả người bán	263.793.097
Các khoản phải trả khác	45.849.871
	<u>309.642.968</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
Phải trả người bán	4.500.000
Các khoản phải trả khác	33.485.223.681
	<u>33.489.723.681</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây thể hiện giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty:

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>		VNĐ
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>			
Tài sản tài chính							
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	5.600.000.000	(721.506.334)	-	4.878.493.666	
Cho các bên liên quan vay	6.000.000.000	-	12.480.000.000	-	6.000.000.000	12.480.000.000	
Phải thu các bên liên quan	12.685.290.568	-	43.793.579.433	-	12.685.290.568	43.793.579.433	
Các khoản phải thu khác	46.314.792	-	-	-	46.314.792	-	
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.157.828.727	-	362.166.690	-	11.157.828.727	362.166.690	
TỔNG CỘNG	29.889.434.087	-	62.235.746.123	(721.506.334)	29.889.434.087	61.514.239.789	

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>		VNĐ
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	
Nợ phải trả tài chính							
Phải trả người bán			263.793.097	4.500.000	263.793.097	4.500.000	
Phải trả cho bên liên quan			-	21.770.346.000	-	21.770.346.000	
Các khoản phải trả khác			45.849.871	11.714.877.681	45.849.871	11.714.877.681	
TỔNG CỘNG			309.642.968	33.489.723.681	309.642.968	33.489.723.681	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Giá trị hợp lý của tiền và tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

26. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính giữa niên độ của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau.

	31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	VNĐ 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	12.480.000.000	12.480.000.000
Chứng khoán kinh doanh	-	5.600.000.000	5.600.000.000
Đầu tư ngắn hạn	18.080.000.000	(18.080.000.000)	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(721.506.334)	(721.506.334)
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(721.506.334)	721.506.334	-
Phải thu dài hạn khác	-	10.495.144.515	10.495.144.515
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	184.895.708.298	184.895.708.298
Đầu tư dài hạn khác	195.390.852.813	(195.390.852.813)	-



Nguyễn Tiến Hải
Người lập



Nguyễn Tiến Hải
Kế toán trưởng




Huỳnh Đoàn
Giám đốc

Ngày 29 tháng 7 năm 2015

